TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2025/ DS-ST
Ngày: 25/09/2025
(V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông **Vũ Minh Hải**.
- Các hội thẩm nhân dân*:* ông **Vũ Duy Tuần**, ông **Vũ Hồ Phương.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Loan** - Thư ký Toà án nhân khu vực 13 – Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Hải phòng tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Đình Phương** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 09 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/DS- ST ngày 28 tháng 04 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/DS- ST ngày 25 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/HNGĐ-QĐ ngày 11 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1)

Trụ sở chính: Tầng 01 và tầng 02, Tòa nhà S - 111 A, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Ngọc D, chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức P, ông Bùi Văn C – Cán bộ Ngân hàng.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984. Số CCCD 030084004280 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1984; số CCCD: 0301880081

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng

Hiện không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là ông Hà Hoàng H1 là người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP Q (V1) trình bày: Ngày 30/9/2020, Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là V1) ký hợp đồng tín dụng số 3574300.20 với anh Trần Văn T và chị Phạm Thị H. Theo nội dung hợp đồng Ngân hàng TMCP Q đồng ý cấp tín dụng cho anh T và chị H với số tiền 430.000.000đ, thời hạn vay 84 tháng, mục đích sử dụng tiền vay để mua ôtô. Khoản vay này Ngân hàng giải ngân làm 1 lần cho anh T chị H theo khế ước nhận nợ số 2859939.20 ngày 01/10/2020, lãi suất tại thời điểm cho vay 9,4% được áp dụng trong 12 tháng đầu. Hết 12 tháng lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng / lần, bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm biên độ 4,1/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 xe ô tô nhãn hiêu SUZUKI số loại XL7GLX, biểm kiểm soát 34A- 41301 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 076726 do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp ngày 309/2020 mang tên anh Trần Văn T theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2993351.20 ngày 30/9/2020. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng Anh T, chị H đã thanh toán được số tiền gốc là 49.663.500.đ. Trong đó: Nợ gốc là 30.802.250đ. (lãi trong hạn là 18.790.049đ, lãi quá hạn là 71.201đ). Sau đó anh T và chị H vi phạm nghĩa vụ không thah toán trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 21/5/2021 Ngân hàng (V1) đã chuyển toàn bộ khoản nợ của anh T, chị H sang nợ quá hạn. Ngày 16/8/2025 đã có quyết định thu hồi toàn bộ khoản vay và xử lý tài sản thoe họp đồng số 3574300.20 ngà 30/9/2020. Nay Ngân hàng TMCP Q đề nghị anh T, chị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ đến ngày 25/9/2025 lag 772.494.641đ, trong đó: nợ gốc 399.197.750, lãi trong hạn 73.522.464., lãi quá hạn: 299.774.527. Đồng thời anh T, chị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2025 theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đến khi anh T, chị H tất toán xong toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thi H2: Quá trình điều tra Tòa án báo anh T, chị H2 đến làm việc cũng như về nơi anh T, chị H2 cư trú để xác minh nhưng anh T chị H2 không có mặt tại nơi cư trú, vì vậy Tòa án không lấy lời khai và làm việc được với anh T, chị H2. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng đối với anh T, chị H2 tại nơi cú trú theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Bùi Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.Anh T chị H2 đã được thông báo niêm yết văn bản tố tụng họp lệ nhưng vẫn vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên tòa không phát biểu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về Thẩm quyền và thời hiệu: Ngân hàng TMCP Q(VIP) Ddo Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số dianh nghiệp 0100233488, đang ký lần đầu ngày 14/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 23/8/2023, nghành nghề kinh doanh củaNgân hàng là kinh doanh tiền tệ, tín dụng các các hoạt đông khác ghi trong điều lệ. Anh Trần văn T và chị Phạm Thị H là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Mục đích của hợp đồng chỉ có Ngân hàng là có mục đích lợi nhuận, còn anh T và chị H không có mục đích lợi nhuận. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự không phải tranh chấp kinh doanh thương mại. Do anh T và chị H vi phạm hợp đồng không trả gốc, lãi đúng hạn nên Ngân hàng TMCP Q đã làm đơn khởi kiện anh T, chị H đến Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang nay là Tòa án khu vực 13- Hải Phòng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 184 BLTTDS. Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 4 nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của ủy ban thường vụ quốc hội, Tòa án nhân đân khu vực 13- Hải Phòng giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu. Hợp đồng tín dụng số 3574300.20 ngày 30/9/2020 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật là hợp đồng dân sự hợp pháp.

1.2. Về sự có mặt của bị đơn: Bị đơn ah Trần Văn T và chị Phạm Thị H đã dược Tòa án thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T, chị H vắng mặt lần thứ nhất nên HĐXX đã Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T, chi H tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

2.1. Về số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng:

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số số 3574300.20 ngày 30/9/2020, Ngân hàng TMCP Q đã đồng ý cấp tín dụng cho anh T, chị H số tiền 430.000.000đ với mục đích mua xe ô tô. Thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày giải ngân ngày 01/10/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh T, chị H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 49.663.500.đ. Trong đó: Nợ gốc là 30.802.250đ.(lãi trong hạn là 18.790.049đ, lãi quá hạn là 71.201đ). Sau đó anh T đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, đến ngày Ngày 21/5/2021 toàn bộ số tiền nợ thực tế của anh T, chị H đã chuyển sang nợ quá hạn. Tại điều 4 mục 4.3 của hợp đồng quy định: "*Trường hợp bên được cấp tín dụng không thanh toán bất kỳ số dư nợ gốc nào phải trả vào ngày đến hạn theo tài liệu vay vốn và không được V1 chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, V1 có quyền quyết định chuyển số dư nợ gốc đó sang nợ quá hạn và thực hiện ngay biện pháp thu hồi nợ phù hợp với quy định của pháp luật* ".

Xét việc thỏa thuận về tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của các bên trong hợp đồng và khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/9/2025 như Ngân hàng đã giải trình và xuất trình căn cứ tính tổng là: 772.494.641; trong đó nợ gốc 399.197.750, lãi trong hạn 73.522.464., lãi quá hạn: 299.774.527, và buộc anh T, chị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền trên. Đồng thời anh T, chị H phải tiếp tục trả anh Ngân hàng VIB số tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 theo lãi suất quy định trên hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đến khi tất toán xong khoản vay.

2.2. Về tài sản thế chấp: Ngân hàng TMCP Q đề nghi Trường hợp anh Trần Văn T và chị Phạm Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không hết các khoản nợ gốc, lãi, phí phạt trên theo yêu cầu khởi kiện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo01 xe ô tô nhãn hiêu SUZUKI số loại XL7GLX, biểm kiểm soát 34A- 41301 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 076726 do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp ngày 309/2020 mang tên anh Trần Văn T theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2993351.20 ngày 30/9/2020. HĐXX thấy rằng tại điều 5 Mục 5.6 uy định : *Bên A có quyền khởi kiện bên B ra Tòa án có thẩm quyền để xử lý tài sản bảo đảm*. Xét thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2993351.20 ngày 30.9.2020 là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3].Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. anh Trần Vă T1 và chi Phạm Thị H

phải chịu án phí sơ thẩm Dân sự theo quy định. Hoàn trả Ngân hàng V1 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 40,147, 184, khoản 3 Điều 228, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273, Điều 146, Điều 147 BLTTDS. khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 4 nghị quyết số 81/ 2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của ủy ban thường vụ quốc hội; Căn cứ Điều 463,465,466,467, 299,303 BLDS. Căn cứ khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Q(V1).

Buộc anh Trần Văn T và chị Phạm Thị H có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q(V1). Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/9/20205 theo hợp đồng số số 3574300.20 ngày 30/9/2020 là 772.494.641; Trong đó nợ gốc 399.197.750, nợ lãi trong hạn 73.522.464, nợ lãi quá hạn: 299.774.527.

3. Về sử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Anh Trần Văn T và chị Phạm Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không hết các khoản nợ gốc, lãi, phí phạt trên theo yêu cầu khởi kiện thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm gồm: 01 xe ô tô nhãn hiêu SUZUKI số loại XL7GLX, biểm kiểm soát 34A- 41301 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 076726 do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp ngà 309/2020 mng tên anh Trần Văn T theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2993351.20 ngày 30/9/2020. Sau khi phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp nêu trên, nếu số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết các khoản nợ thì anh Trần Văn T và chị Pham Thị H3 phải có trách nhiệm thanh toán hết cho Ngân hàng số tiền còn thiếu. Nếu số tiền xử lý tài sản thế chấp còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp tài sản. Trường hợp anh Trần Văn T và chị Phạm Thị H thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bên thế chấp toàn bộ các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp và thực hiện đăng ký giải chấp tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

4. Thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành:

Anh T, chị H phải tiếp tục trả anh Ngân hàng VIB số tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 theo lãi suất quy định trên hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đến khi tất toán xong khoản vay.

5. Về án phí: Anh Trần Văn T chị Phạm Thị H phải chịu 34.899.785.đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q(V1) số tiên tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ theo biên lai số BLTU/24 ngày 25/4/205 tại hi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang nay là Chi cục thi hành án dân sự khu vực 13- Hải Phòng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết dịnh được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tụ nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9, 9a của luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi ành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi ành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13 - Hải Phòng;
- THA dân sự thành phố Hải Phòng
- UBND xã Khúc Thừa Dụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hải